

Bản án số: 24 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 -9 - 2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Nguyễn Tấn Bón.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 164/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên toa số: 102/QĐST- HNGĐ ngày 13/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh 1982.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu M, sinh 1977. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2023, bản tự khai ngày 16/8/2023, bản tự khai ngày 17/8/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu M tự nguyện tìm hiểu được hai bên tổ chức hỏi, chúng tôi đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2001, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T. Lúc đầu chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân về tiền bạc, công việc nên bất đồng quan điểm. Anh M đánh đập chị nhiều lần, năm 2022 chị cũng đã làm đơn khởi kiện

đến Toà án để ly hôn anh M. Nhưng sau đó chị rút đơn vì nghĩ đến chồng con. Trong thời gian chị rút đơn anh M vẫn không thay đổi tính tình vẫn thường xuyên đánh đập chị.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể sống với anh M được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 20/11/2002, Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 02/6/2009, Nguyễn Hữu Việt N, sinh ngày 16/10/2017, hiện các con đang ở với chị. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi 02 con, Chị yêu cầu anh Nguyễn Hữu M cấp dưỡng nuôi 02 con là Nguyễn Thị Phương Q và Nguyễn Hữu Việt N, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Đối với con Nguyễn Thị Phương Th đã trưởng thành tự lo cho bản thân chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Tại trình bày ngày 16/8/2023 anh Nguyễn Hữu M trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và cô L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2001, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau. Nay cô L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 20/11/2002, Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 02/6/2009, Nguyễn Hữu Việt N, sinh ngày 16/10/2017, hiện các con đang ở với cô L. Nếu ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi 02 con Nguyễn Thị Phương Q và Nguyễn Hữu Việt N, không yêu cầu cô L cấp dưỡng nuôi 02 con.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L, chị L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định, anh M phải chịu án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, Bị đơn đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Hữu M có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2001, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của chị L trong quá trình vợ chồng chị chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân anh M thường xuyên đánh đập chị nhiều lần, năm 2022 chị cũng làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T để ly hôn anh M. Nhưng chị nghĩ chồng con, nên chị rút đơn nhưng anh M vẫn không thay đổi tính tình vẫn đánh đập chị.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

[2.3] Đối với anh Nguyễn Hữu M: Về nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau. Anh không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng. Anh M vũ phu thường xuyên đánh đập chị L, dẫn đến gây tâm lý, ám ảnh và hoang man về tinh thần cho chị L, chị không dám sống chung với anh M, chị đã đưa các con về phía cha mẹ để ở. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho đôi bên có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

[3] Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 20/11/2002, Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 02/6/2009, Nguyễn Hữu Việt N, sinh ngày 16/10/2017, hiện các con đang ở với chị. Giao cho L yêu cầu được quyền nuôi 02 con Nguyễn Thị Phương Q và Nguyễn Hữu Việt N, chị yêu cầu anh Nguyễn Hữu M cấp dưỡng nuôi 02 con Nguyễn Thị Phương Q và Nguyễn Hữu Việt N, mỗi con 1.500.000 đồng/ tháng, 02 con là 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi được chấp nhận.

Đối với con Nguyễn Thị Phương Th đã trưởng thành tự lo cho bản thân anh, chị không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Hữu M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Có 02 con tên Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 02/6/2009, Nguyễn Hữu Việt N, sinh ngày 16/10/2017. Anh Nguyễn Hữu M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi, mỗi con 1.500.000đồng/tháng, 02 con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Thời gian tính từ ngày 21/9/2023.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm

ngàn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006596 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Q. Anh Nguyễn Hữu M phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N, huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Ngọc Thông

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Lan đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số: 0006596 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Hữu Mừng phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Sơn

Nguyễn Tấn Bốn

Võ Ngọc Thông

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Lan đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006596 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Hữu Mừng phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Các Hội thân nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quang

Lê Thị Ngọc Lâm

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Ngọc Thông

Các Hội thảo nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quang

Lê Thị Ngọc Lâm

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Ngọc Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA